TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 584/2024/DS-PT
Ngày 21 - 11 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Ông Lê Minh Đạt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 379/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4253/2024/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Lê Thành S, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký thường trú: Số D, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện tại: Số C, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trương Văn T, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt tại tòa);

Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Hoàng M, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thành S trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 01/12/2023 ông S có cho ông M vay số tiền 1.400.000.000 đồng. Mục đích vay theo như ông M trình bày với ông S là để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay các bên thỏa thuận là 04 tháng kể từ ngày 01/12/2023. Lãi suất vay và phương thức trả tiền lãi do các bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, các bên có thỏa thuận với nhau lãi suất là 1,66%/tháng. Ngày 01/4/2024 là hết hạn thời gian cho vay nhưng ông M vẫn chưa trả lại số tiền vay cho ông S. Ông S đã nhiều lần đến cửa hàng N có địa chỉ tại ấp P, Thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre liên hệ để yêu cầu ông M trả nợ nhưng ông M vẫn cố tình trốn tránh.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu ông M có trách nhiệm trả cho ông S số tiền vốn vay là 1.400.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày ông M vi phạm thời hạn thỏa thuận trả nợ ngày 01/04/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/8/2024 là 04 tháng 15 ngày, nhưng tính làm tròn là 04 tháng với số tiền lãi: 1.400.000.000 đồng x 4 tháng x 1,66% = 92.960.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi ông M có trách nhiệm phải trả cho ông S là 1.492.960.000 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoàng M cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Trương Văn T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, cũng như bị đơn không có ý kiến phản hồi gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 207, 227, 228, 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành S số tiền nợ vay là 1.492.960.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, trong đó tiền vốn là 1.400.000.000 (Một tỷ) đồng + tiền lãi là 92.960.000 (Chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/8/2024, bị đơn ông Nguyễn Hoàng M kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trương Văn T có đơn xin vắng mặt tại tòa và có văn bản trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị trả dần cho nguyên đơn mỗi tháng 30.000.000 đồng đến khi thanh toán xong số nợ.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin vắng mặt tại tòa, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Về nội dung:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2023 được công chứng, chứng thực theo quy định, theo đó ông Lê Thành S cho ông Nguyễn Hoàng M vay số tiền 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 01/12/2023, lãi suất và phương thức trả tiền do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng M cũng như người đại diện ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, chứng cứ của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/4/2024 nên ông S khởi kiện yêu cầu ông M phải có trách nhiệm trả cho ông S số tiền vốn vay là

1.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/8/2024, tổng số tiền là 1.492.960.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điêu 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị cho trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng đến khi trả hết nợ:

Bị đơn chỉ kháng cáo xin trả dần số tiền vay nhưng nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần và việc trả dần thuộc giai đoạn thi hành án nếu các bên thỏa thuận được, do đó kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 207, 227, 228, 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành S số tiền nợ vay là 1.492.960.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, trong đó tiền vốn là 1.400.000.000 (Một tỷ) đồng và tiền lãi là 92.960.000 (Chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí là 56.788.800 (Năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm) đồng.

H lại cho ông Lê Thành S số tiền tạm ứng án phí là 27.348.000 (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000597 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0003066 ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Chi cục T1 ành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức